

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG	
1	Nhãn hiệu, xuất xứ và khả năng cung ứng các loại vật tư, phụ tùng chính:		
1.1	Đề xuất nhãn hiệu, xuất xứ các vật tư, phụ tùng chính để phục vụ công tác thi công, bao gồm: - Ống nhựa uPVC - Phụ tùng gang cầu - Van cổng - Đồng hồ nước điện từ - Thiết bị ghi nhận và truyền dữ liệu (gọi tắt là datalogger)	Có mô tả xuất xứ, nhãn hiệu đầy đủ cho các vật tư, phụ tùng chính.	Đạt
		Không có mô tả xuất xứ, nhãn hiệu đầy đủ cho các vật tư, phụ tùng chính.	Không đạt
1.2	Khả năng cung ứng các vật tư, phụ tùng chính, bao gồm: - Ống nhựa uPVC - Phụ tùng gang cầu - Van cổng - Đồng hồ nước điện từ - Thiết bị ghi nhận và truyền dữ liệu (gọi tắt là datalogger)	Có cam kết của nhà cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp.	Đạt
		Không có cam kết của nhà cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp (kể cả sau khi bổ sung, làm rõ).	Không đạt
2	Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về vật tư, phụ tùng chính và vật liệu xây dựng:		
2.1	Các vật tư, phụ tùng chính, bao gồm: - Ống nhựa uPVC - Phụ tùng gang cầu - Van cổng - Đồng hồ nước điện từ - Thiết bị ghi nhận và truyền dữ	Có tài liệu chứng minh đặc tính kỹ thuật của vật tư, phụ tùng chính phù hợp yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT và hồ sơ thiết kế được duyệt	Đạt
		Không có tài liệu chứng minh đặc tính kỹ thuật của vật tư, phụ tùng chính phù hợp yêu	Không đạt

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG	
	liệu (gọi tắt là datalogger)	cầu tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT và hồ sơ thiết kế được duyệt (kể cả sau khi bổ sung, làm rõ).	
2.2	Các loại vật liệu khác gồm: Bê tông nhựa nóng, nhũ tương nhựa, cát, đá, xi măng, gạch lát, cốt thép, vải địa kỹ thuật phù hợp yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật.	Có mô tả đáp ứng yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT và hồ sơ thiết kế được duyệt.	Đạt
		Không có mô tả hoặc mô tả không đáp ứng yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT và hồ sơ thiết kế được duyệt (kể cả sau khi bổ sung, làm rõ).	Không đạt
Lưu ý: Nhà thầu nên chào duy nhất một nhãn hiệu cho mỗi loại hàng hóa.			
- Trường hợp nhà thầu chào nhiều nhãn hiệu cho 01 loại hàng hóa: nếu một trong các nhãn hiệu do nhà thầu đề xuất không đáp ứng yêu cầu TCDG tại mục 2.1 nêu trên thì E-HSDT bị đánh giá là không đáp ứng yêu cầu mục này và sẽ bị loại.			
- Nếu các nhãn hiệu do nhà thầu đề xuất đều đáp ứng yêu cầu TCDG tại mục 2.1 nêu trên thì Chủ đầu tư được quyền chỉ định một trong các nhãn hiệu đó trong quá trình ký kết hợp đồng.			
3	Giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công		
3.1	Giải pháp tổ chức mặt bằng công trường	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
		Không có giải pháp kỹ thuật; hoặc có giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
3.2	Giải pháp đo đạc, định vị tim ống và đào thăm dò	Có giải pháp đo đạc, định vị tim ống và đào thăm dò hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG	
		Không có hoặc có giải pháp đo đạc, định vị tìm ống và đào thăm dò không hợp lý, không phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
3.3	Giải pháp đào mương đặt ống, hầm đồng hồ, trụ tín hiệu	Trình bày giải pháp đào mương đặt ống hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không trình bày giải pháp đào mương đặt ống hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
3.4	Giải pháp vận chuyển đất	Trình bày giải pháp vận chuyển đất thừa ra khỏi công trường hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không trình bày giải pháp vận chuyển đất thừa ra khỏi công trường hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
3.5	Giải pháp lắp đặt các gối bê tông neo chặn phụ tùng	Trình bày giải pháp lắp đặt các gối bê tông neo chặn phụ tùng hợp lý, khả thi và phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không trình bày giải pháp lắp đặt các gối bê tông neo chặn phụ tùng hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
3.6	Giải pháp lắp đặt ống và phụ tùng	Trình bày giải pháp lắp đặt ống và phụ tùng hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG	
		Không trình giải pháp lắp đặt ống và phụ tùng hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
3.7	Biện pháp thi công xây dựng hầm đồng hồ.	Trình bày biện pháp thi công xây dựng hầm đồng hồ hợp lý, phù hợp với gói thầu và các quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không trình bày biện pháp thi công xây dựng hầm đồng hồ hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp với gói thầu và các quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
3.8	Biện pháp đấu nối ống hiện hữu, các vị trí giao cắt	Trình bày biện pháp thi công đấu nối ống hiện hữu, các vị trí giao cắt hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	
		Không trình bày biện pháp thi công đấu nối ống hiện hữu, các vị trí giao cắt hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	
3.9	Giải pháp sang đai ống nhánh từ tuyến ống hiện hữu sang tuyến ống chính mới lắp.	Trình bày giải pháp sang đai ống nhánh từ tuyến ống hiện hữu hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không trình bày Giải pháp sang đai ống nhánh từ tuyến ống hiện hữu hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
3.10	Biện pháp thử áp lực	Trình bày biện pháp thử áp lực cho từng loại vật liệu ống hợp lý, phù hợp với quy định	Đạt

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG	
		kỹ thuật hiện hành.	
		Không trình bày biện pháp thử áp lực cho từng loại ống hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
3.11	Biện pháp làm sạch đường ống	Trình bày biện pháp làm sạch đường ống hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không trình bày biện pháp làm sạch đường ống hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
3.12	Biện pháp cào bóc, biện pháp thi công tái lập mặt đường cho từng loại kết cấu phui đào.	Trình bày biện pháp cào bóc, biện pháp thi công tái lập mặt đường cho từng loại kết cấu phui đào hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không trình bày biện pháp cào bóc, biện pháp thi công tái lập mặt đường cho từng loại kết cấu phui đào hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
4	Tiến độ thi công		
4.1	Thời gian thi công là 70 ngày .	Đề xuất thời gian thi công ≤ 70 ngày.	Đạt
		Đề xuất về thời gian thi công > 70 ngày.	Không đạt
4.2	Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
		Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG	
4.3	Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của E-HSDT và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
		Không có Biểu tiến độ thi công; hoặc có biểu tiến độ thi công không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật của E-HSDT, hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
5	Biện pháp đảm bảo chất lượng		
5.1	Biện pháp đảm bảo chất lượng cho công tác lắp đặt ống và phụ tùng.	Trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng cho công tác lắp đặt ống và phụ tùng hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không trình bày biện pháp bảo đảm chất lượng cho công tác lắp đặt ống và phụ tùng hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
5.2	Biện pháp đảm bảo chất lượng công tác thi công tái lập mặt đường	Trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng công tác thi công tái lập mặt đường hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng công tác thi công tái lập mặt đường hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
5.3	Biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, phụ tùng và các vật liệu đầu vào phục vụ công tác thi	Trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, phụ tùng và các vật liệu đầu vào hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật	Đạt

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG	
	công.	hiện hành.	
		Không trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, phụ tùng và các vật liệu đầu vào hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
5.4	Biện pháp đảm bảo chất lượng công tác thi công xây dựng hầm đồng hồ	Trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng công tác thi công xây dựng hầm đồng hồ hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	
		Không trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng công tác thi công xây dựng hầm đồng hồ hoặc trình bày không hợp lý, không phù hợp quy định kỹ thuật hiện hành.	
6	Biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường, giải pháp đảm bảo an toàn các công trình lân cận:		
6.1	Biện pháp an toàn lao động.	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không có biện pháp; hoặc có biện pháp không hợp lý, không phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
6.2	Biện pháp an toàn giao thông.	Có biện pháp hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không có biện pháp; hoặc có biện pháp không hợp lý, không phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
6.3	Biện pháp phòng cháy, chữa cháy.	Có biện pháp hợp lý, phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG	
		Không có biện pháp; hoặc có biện pháp không hợp lý, không phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
6.4	Biện pháp vệ sinh môi trường.	Có biện pháp hợp lý, khả thi phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không có biện pháp; hoặc có biện pháp không hợp lý, không phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
6.5	Giải pháp đảm bảo an toàn các công trình lân cận	Có biện pháp hợp lý, khả thi phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Đạt
		Không có biện pháp; hoặc có biện pháp không hợp lý, không phù hợp với quy định kỹ thuật hiện hành.	Không đạt
7	Bảo hành:		
7.1	Bảo hành: có thời gian bảo hành tối thiểu là 12 tháng .	Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng.	Đạt
		Có đề xuất thời gian bảo hành < 12 tháng .	Không đạt
8	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu kể từ ngày 01/01/2022:		
8.1	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP: không có quá 01 hợp đồng vi phạm do lỗi của nhà thầu.	Có cam kết của Nhà thầu đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu.	Đạt
		Không có cam kết về của Nhà thầu hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ các nội dung yêu cầu (kể cả sau khi bổ sung, làm rõ).	Không đạt